TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **87**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29- 8 -2023 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Ông Thượng Văn Kịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, đường ĐX A1, tổ A2, khu phố A3, phường A4, thành phố A5, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh Dũng Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, đường ĐX A1, tổ A2, khu phố A3, phường A4, thành phố A5, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2023 nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết T trình bày: Bà T và ông Th là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào năm 2012. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây nhận thấy Ph sinh nhiều mâu Tẫn, rạn nứt vợ chồng đã không thể hàn gắn, trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Do đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu Tẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Tuyết T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh Dũng Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 18/03/2014.

Sau khi ly hôn, bà Trương Thị Tuyết T yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con là cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 18/03/2014.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Anh Dũng Th trình bày: Ông Th thống nhất với bà T thời gian đăng ký kết hôn. Ông Th không đồng ý ly hôn với bà T do còn tình cảm với bà T, ông và bà T còn nhiều việc chưa giải quyết nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 18/03/2014. Sau khi ly hôn, 02 con là cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 18/03/2014 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Ph biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà T và ông Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào năm 2012. Nay bà T có đơn xin ly hôn với ông Th và có tranh chấp về con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Bà T và ông Th là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn số 43 cấp ngày 07/05/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng sau khi kết hôn, ông Th có nhiều quan điểm, hai bên thường xuyên cãi vả từ đó dẫn đến sự mâu Tẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông Th nữa. Bà T hiện đã ly thân với ông Th. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà T và ông Th vì không còn tình cảm với nhau nên không ai quan tâm đến ai, bà T hiện không ở chung với ông Th nên chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà T, ông Th không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Ông Th không đồng ý ly hôn nhưng vẫn không có biện pháp gì cải thiện, hàn gắn nên tình trạng hôn nhân của bà T và ông Th đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Th.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 18/03/2014. Sau khi ly hôn, bà Trương Thị Tuyết T yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con là cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 18/03/2014. Quá trình giải quyết bà T đồng ý giao 02 con theo nguyện vọng của các con, không tranh chấp nuôi con. Xét thấy, các cháu hiện tại có nguyện vọng ở với ba, ông Th, bà T cho rằng các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó sẽ nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông Th trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với tranh chấp ly hôn bà Trương Thị Tuyết T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Anh Dũng Th.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Tuyết T được ly hôn với ông Nguyễn Anh Dũng Th.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 18/03/2014, sau khi ly hôn 02 con chung sẽ do ông Nguyễn Anh Dũng Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình: Bà Trương Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0012644 ngày 31/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tân An;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm